

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/HS-ST
Ngày: 22-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hạnh

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dung, cán bộ TAND khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện VKS nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2025/HSST ngày 02/7/2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 11/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2025/HSST-QĐ ngày 28/7/2025 đối với bị cáo:

TRẦN TH, sinh năm 1990, tại ST (nay là TP.C T); Nơi đăng ký thường trú: Ấp TQ A, xã T H, huyện L P, tỉnh S T (Nay là xã T Th, thành phố C TH); Nơi cư trú: Tổ 8, ấp 5, xã T P, huyện V C, tỉnh Đ N (Nay là phường T T, tỉnh Đ N); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Khơ me; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần K, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Thạch Thị Đ, sinh năm 1957; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Có vợ tên Neang Rinh Đ, sinh năm 1989, có 03 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Trung N, sinh năm 1990 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1951.

+ Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: Ấp T X, xã T H, huyện G R, tỉnh K G (Nay là xã T H, tỉnh A

G).

Bà N, ông Ng ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp T X, xã T H, huyện G R, tỉnh K G (Nay là xã T H, tỉnh A G).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/9/2024).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH A B P.

Địa chỉ trụ sở: Số 202B, khu phố 7, đường P T, phường T T, TP.BH, tỉnh Đ N (Nay là phường T H, tỉnh Đ N).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn T – Nhân viên công ty. (Văn bản ủy quyền ngày 11/10/2024).

+ Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: A522, tổ 13, khu phố 1, phường L B, TP.B H, Đ N (Nay là phường L B, tỉnh Đ N).

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1994.

(Ông Q, ông T, ông V vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần TH cùng với anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Trung Ng quen biết nhau do cùng là đồng nghiệp làm việc tại công ty Changshin khu Công nghiệp T P, Xã T P, Huyện V C, tỉnh Đ N(nay là phường T T, tỉnh Đ N).

Khoảng 18 giờ 21/9/2024, Th điều khiển xe mô tô biển số 83P2-841.88 và Tr điều khiển xe mô tô, biển số 83C1-705.95 đến phòng trọ của chị Ng tại ấp 5, xã T P, huyện V C, tỉnh Đ N (nay là phường T T, tỉnh Đ N) để ăn uống và cùng sử dụng rượu bia. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, Tr muốn về nhà nên đi lấy xe để ra về. Lúc này, Th thấy Tr đã uống nhiều bia nên nói Tr giao xe mô tô, biển số 83C1-705.95 cho Th điều khiển để chở Tr về thì Tr đồng ý. Lúc này, chị Ng nói muốn cùng đưa Tr về nên Th nói chị Ng chạy xe mô tô, biển số 83P2-841.88 của Th đi theo để khi đưa Tr về nhà thì chị Ng sẽ chở Th quay lại phòng trọ. Tiếp đó, Th gỡ chìa khoá xe mô tô, biển số 83P2-841.88 đang treo ở bên hông quần ra rồi đưa cho chị Ng. Sau đó, Th điều khiển xe mô tô biển số, 83C1-705.95 đi trước còn chị Ng điều khiển xe mô tô của Th chạy theo sau.

Khoảng 20 giờ 00 ngày 21/09/2024, chị Ng điều khiển xe mô tô, biển số 83P2-841.88 lưu thông trên đường Đồng Khởi theo hướng từ huyện V C đi về ngã tư Amata thuộc thành phố B H. Khi vừa đi qua hầm chui T P thuộc khu phố 6,

phường T T, thành phố B H (nay là phường T H, tỉnh Đ N) thì xe mô tô do chị Ng điều khiển không giữ khoảng cách an toàn với xe đi liền trước nên đã va chạm với xe mô tô biển số 83C1-705.95 do Th đang điều khiển làm hai xe bị mất thăng bằng ngã xuống đường. Lúc này, xe ô tô đầu kéo biển số 60C-420.03 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 60R-007.47 do anh Nguyễn Đức V (sinh năm 1977) ngụ tổ 13, khu phố 1, phường L B, thành phố B H, tỉnh Đ N (nay là phường L B, tỉnh Đ N) điều khiển, lưu thông cùng chiều chạy đến cán qua người của chị Ng. Sau khi xảy ra tai nạn, chị Ng đã được đưa vào bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ N cấp cứu nhưng đã tử vong.

Tại bản kết luận giám định tử thi số 1888/KL-KTHS ngày 19/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ N kết luận:

“1. Các kết quả chính: Bên ngoài thấy bầm tím da vùng cằm; nhiều vết hằn tím da song song vùng sườn lưng-vai lưng và thắt lưng hông, xây sát miết da vùng sườn lưng, thắt lưng-mông bên phải. Giải phẫu thấy tụ máu dưới da vùng ngực, trong khoang lồng ngực và ổ bụng có máu lỏng, gãy đa cung xương sườn bên trái; hai phổi thấy dập rách, tụ máu, rách gốc động mạch chủ; vỡ phức tạp thùy gan phải.

2. Nguyên nhân tử vong: Sốc đa chấn Th, chấn Th ngực-bụng kín gây đa cung xương sườn, dập rách nhu mô phổi, rách gốc quai động mạch chủ, vỡ gan.”.

Tại bản kết luận giám định độc chất số 1432/1868-1869/24/KLGĐĐC-PYQG ngày 12/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ N tiến hành giám định chất ma túy và nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Trung Ng, kết luận:

“Mẫu máu: Có tìm thấy Ethanol với hàm lượng 237,40mg/100ml; Không tìm thấy Methanol và các chất ma túy nêu trên”.

Tại bản kết luận giám định số 6328/KL-KTHS ngày 31/10/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“1. Xe mô tô biển số 83P2-841.88 và xe mô tô biển số 83C1-705.95 có va chạm với nhau khi xảy ra tai nạn giao thông; xe mô tô biển số 83P2-841.88 và sơ mi rơ moóc biển số 60R-007.47 có va chạm với nhau khi xảy ra tai nạn giao thông; không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 83C1-705.95 và xe ô tô đầu kéo biển số 60C-420.03 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 60R-007.47 khi xảy ra tai nạn giao thông.

1.1 Dấu vết trượt xước, sạch bụi, cong, nứt vỡ các chi tiết phía trước bên phải xe mô tô biển số 83P2-841.88 (má bên phải bánh trước, ốp đèn xi nhan, yếm chắn gió, đỡ chân trước, cần đạp phanh) có chiều từ trước về sau, dấu vết bánh xe có chiều từ mặt lặn vào tâm, ngược chiều quay tiến phù hợp với dấu vết trượt xước, sạch bụi, bám chất màu đen, nứt vỡ các chi tiết phía sau bên trái xe mô tô biển số 83C1-705.95 (ốp lốc máy, ốp lọc gió, ốp đèn xi nhan, ốp đuôi xe) có chiều từ sau về trước. Đây là vị Tr va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện.

1.2 Dấu vết trượt sạch bụi, in hình dạng vân lốp, gãy vỡ các chi tiết phía sau xe mô tô biển số 83P2-841.88 (tay nâng yếm, ốp đuôi xe, ốp cụm đèn tín hiệu) có chiều từ sau về trước phù hợp với dấu vết trượt xước, sạch bụi má ngoài bánh ngoài trục thứ 2 (tính từ dưới lên) bên phải sơ mi rơ moóc biển số 60R-007.47, có chiều từ mặt lặn vào tâm, cùng chiều quay tiến bánh xe. Đây là vị Tr va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện, va chạm khi xe mô tô đã ngã trái trên mặt đường.

1.3 Dấu vết trượt xước, cong, gãy các chi tiết bên trái xe mô tô biển số 83P2-841.88 (ốp đầu xe, gương chiếu hậu, tay cầm lái, yếm chắn gió, đế chân trước, ốp hông) có chiều từ trước về sau phù hợp với va chạm mặt đường.

1.4 Dấu vết trượt xước, mài mòn các chi tiết bên trái xe mô tô biển số 83C1-705.95 (gương chiếu hậu, tay cầm lái, ốp sàn đế chân trước, đế chân sau) có chiều từ trước về sau phù hợp va chạm với mặt đường.

2. Vị Tr va chạm giữa xe mô tô biển số 83P2- 841.88 và xe mô tô biển số 83C1-705.95 chiếu xuống mặt đường nằm trên làn đường thuộc làn thứ 1 tính từ mép chuẩn bên phải hầm chui Tân Phong đường Đồng Khởi, hướng Vĩnh Cửu đi ngã tư Amata.

Vị Tr va chạm giữa xe mô tô biển số 83P2- 841.88 và sơ mi rơ moóc biển số 60R-007.47 chiếu xuống mặt đường nằm trên làn thứ 2 tính từ mép chuẩn bên phải hầm chui Tân Phong đường Đồng Khởi, hướng Vĩnh Cửu đi ngã tư Amata.

3. Khi xảy ra tai nạn xe ô tô đầu kéo biển số 60C-420.03 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 60R-007.47 lưu thông trên đường Đồng Khởi, hướng Vĩnh Cửu đi ngã tư Amata; xe mô tô biển số 83P2- 841.88 và xe mô tô biển số 83C1-705.95 lưu thông bên phải cùng chiều.

4. Khi xảy ra tai nạn giao thông, xe mô tô biển số 83P2- 841.88 chuyển động nhanh hơn so với xe mô tô biển số 83C1-705.95; không đủ cơ sở xác định xe ô tô đầu kéo biển số 60C-420.03 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 60R-007.47 chuyển động nhanh hơn xe mô tô biển số 83P2- 841.88 và xe mô tô biển số 83C1-705.95 hay không.

5. Ngoài các dấu vết nêu trên không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 83P2- 841.88, xe mô tô biển số 83C1-705.95 và xe ô tô đầu kéo biển số 60C-420.03 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 60R-007.47 với phương tiện khác khi xảy ra tai nạn giao thông.”

Phiếu kết quả xét nghiệm hoá sinh:

- Ethanol trong máu của Nguyễn Anh T có hàm lượng: 239,1 mg/dl
- Ethanol trong máu của Trần TH có hàm lượng: 228,0 mg/dl

Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án khai nhận như Cáo trạng mô tả.

Vật chứng: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 83C1-705.95

của anh Nguyễn Anh Tr; 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, biển số 83P2-841.88, dung tích 113cm³, số khung: 1710GY102305, số máy: E3T6E152753 của Trần TH; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số 60C-420.03 kéo theo 01 (một) sơ mi rơ moóc biển số 60R-007.47; 01 UBS lưu giữ hình ảnh vụ tai nạn giao thông.

Về dân sự: Anh Nguyễn Thành Quốc là người đại diện theo ủy quyền của gia đình bị cáo đã nhận 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) của anh Nguyễn Đức Văn và 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) của Trần TH nên anh Quốc không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 435/CT-VKSBH ngày 23/6/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đ N(Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) đã truy tố bị cáo Trần TH về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Trần TH về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 32 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần TH từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thành Quốc, ông Võ Văn Tân, ông Nguyễn Đức Văn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành Quốc, ông Võ Văn Tân, ông Nguyễn Đức Văn.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ của vụ án là Ng trọng, bị cáo đủ khả năng nhận thức được việc giao xe mô tô biển số 83P2-841.88 cho chị Nguyễn Trung

Ng là người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định để điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ là nguy hiểm, có thể dẫn đến nhiều hậu quả Ng trọng, việc chị Ng gây tai nạn giao thông và chị Ng bị tử vong là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo nhưng hành vi của bị cáo đã gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân khi tham gia giao thông. Do đó cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh ngăn chặn tội phạm về an toàn trật tự giao thông nói chung. Khi quyết định hình phạt HĐXX sẽ xem xét, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít Ng trọng; Đã tự nguyện bồi thường trách nhiệm dân sự cho gia đình bị hại; Đại diện gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Th có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, thời hạn 01 năm cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo phải nộp thêm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào ngân sách nhà nước.

[7] Về khấu trừ thu nhập:

Do hiện nay bị cáo đang nuôi hai con nhỏ và mẹ già nên miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần TH đã bồi thường cho gia đình bị hại 1.500.000 đồng; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã bồi thường cho đại diện gia đình bị hại 15.000.000 đồng, người đại diện bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác.

[9] Vấn đề khác: Đối với các hành vi vi phạm quy định Luật giao thông đường bộ năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2019 của Trần TH và Nguyễn Anh Tr, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ Nẵng có công văn gửi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ Nẵng xử lý theo quy định.

[10] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 83C1-705.95 của anh Nguyễn Anh Tr, do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ N đã trả lại cho anh Tr là đúng quy định;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, biển số 83P2-841.88, dung tích 113cm³, số khung: 1710GY102305, số máy: E3T6E152753 của Trần TH, bị cáo giao xe cho chị Ng không biết được việc chị Ng gây tai nạn nên cần trả lại cho bị cáo Th;

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng là tài sản của chị Nguyễn Trung Ng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ N đã trả lại cho anh Nguyễn Thành Quốc (đại diện theo uỷ quyền của gia đình chị Ng) là đúng quy định;

- 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số 60C-420.03 kéo theo 01 (một) sơ mi rơ moóc biển số 60R-007.47 là tài sản của công ty Trách nhiệm hữu hạn An Bình Phát, do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ N đã trả lại cho anh Võ Văn Tân (đại diện theo uỷ quyền của công ty An Bình Phát) là đúng quy định;

- 01 USB lưu giữ hình ảnh vụ tai nạn giao thông là vật chứng của vụ án nên cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trần TH phạm vào tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: bị cáo Trần TH **01 (Một)** năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần TH cho Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đ N (nay là Ủy ban nhân dân phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai) để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp bị cáo Trần TH vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt tiền bị cáo 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần TH.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo Trần TH 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, biển số 83P2-841.88, dung tích 113cm³, số khung: 1710GY102305, số máy: E3T6E152753.

(Vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/8/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Đ N và Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai).

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần TH phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Thành Quốc, ông Võ Văn Tân, ông Nguyễn Đức Văn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đ N (PV06);
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai;
- Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hồng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân Th mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân Th mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví

dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)